

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 22

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì trứng, thịt bò, hành tây, ớt chuông đỏ
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Gà chiên nước mắm
- Canh rau dền đỏ nấu tôm tươi, nấm kim châm
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Miến nấu cua đồng, mướp, cà chua, nấm bào ngư, cải ngồng, ngô gai
NT nhóm 2: Cháo thịt bò, mướp, nấm bào ngư

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	6,280	18,840
2	0494	Đường cát	100	3,880	3,880
3	N0966	Muối Iot	100	740	740
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	200	4,180	8,360
5	0004	Gạo tẻ máy	1,500	2,560	38,400
6	0120	Hành lá (hành hoa)	50	5,360	2,680
7	0164	Rau mùi (ngô rí)	50	8,820	4,410
8	N0776	Bánh mì	300	9,200	27,600
9	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
10	0286	Thịt bò loại II	200	36,750	73,500
11	0121	Hành tây	100	3,570	3,570
12	0143	Ớt chuông đỏ	100	10,400	10,400
13	N0772	Thịt ức gà	1,200	12,920	155,040
14	N0767	Rau dền đỏ	600	4,730	28,380
15	0424	Tôm sú	200	30,980	61,960
16	N0965	Nấm kim châm	100	10,610	10,610
17	0038	Miến dong	300	5,390	16,170
18	0407	Cua đồng	300	19,430	58,290
19	0136	Mướp	200	3,990	7,980
20	0087	Cà chua	300	5,670	17,010
21	N0778	Nấm bào ngư	100	12,920	12,920
22	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,410	3,205
23	0717	Cải ngồng	100	4,940	4,940
24	0457	Sữa bột toàn phần	474.51	20,500	97,275
25	0587	Bánh flan (Caramen)	704	14,750	103,840

Tổng cộng	814,000
-----------	---------

Tổng tiền thực phẩm	814,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	813,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	9,324,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	9,324,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan